

Kính gửi: Sở Tài chính Hà Nội

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát vốn nhà nước tại doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 77/2021/TT-BTC ngày 17/9/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Công ty Nước sạch Hà Nội báo cáo Sở Tài chính về tình hình quản lý vốn, tài sản, kết quả sản xuất kinh doanh và hiệu quả hoạt động của Công ty năm 2025 như sau:

1. Bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: triệu đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2024 | 31/12/2025 |
|---------------------------|------------|------------|
| Tổng nguồn vốn chủ sở hữu | 3.561.718 | 3.806.297 |
| Trong đó | | |
| - Vốn góp của chủ sở hữu | 3.412.000 | 3.656.579 |
| - Quỹ đầu tư phát triển | 149.718 | 149.718 |
| - Nguồn vốn đầu tư XDCB | 0 | 0 |

Trong kỳ, vốn chủ sở hữu của Công ty được bảo toàn và phát triển. Giá trị vốn góp của Chủ sở hữu tăng lên chủ yếu do trong năm Công ty được Ủy ban nhân dân Thành phố giao tiếp nhận, quản lý và ghi nhận tăng vốn nhà nước từ các dự án, công trình, cụ thể như sau:

- Tại Quyết định số 3630/QĐ-UBND ngày 02/7/2025, Công ty được giao quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch liên xã huyện Thường

Tín; theo đó, Công ty đã thực hiện ghi nhận tăng vốn nhà nước với giá trị 97.580 triệu đồng;

- Tại Quyết định số 1964/QĐ-UBND ngày 10/4/2025, Công ty được phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án Phát triển hạ tầng cơ sở đô thị Bắc Thăng Long - Vân Trì (gói thầu CP1 - Nhà máy cấp nước); theo đó, Công ty đã ghi nhận tăng vốn nhà nước với giá trị 145.120 triệu đồng;

- Tại Quyết định số 3833/QĐ-UBND ngày 17/7/2025, Công ty được phê duyệt bổ sung hạng mục cấp nước thuộc dự án xây dựng đường Huỳnh Thúc Kháng kéo dài; theo đó, Công ty đã ghi nhận tăng vốn nhà nước với giá trị 1.879 triệu đồng.

Như vậy, tổng giá trị vốn nhà nước được bổ sung trong kỳ là 244.579 triệu đồng, góp phần nâng cao năng lực tài chính và đảm bảo điều kiện cho Công ty thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh cũng như nhiệm vụ chính trị được giao.

2. Giám sát việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước

2.1 Hoạt động đầu tư các dự án

(Biểu 02A – Tình hình đầu tư và huy động vốn để đầu tư vào các dự án hình thành TSCĐ và XDChB).

2.2 Đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp

Đến 31/12/2025, tình hình đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết, đầu tư khác như sau:

2.2.1 Đầu tư vào công ty con

Đến 31/12/2025, số vốn góp của Công ty Nước sạch Hà Nội tại Công ty cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội: 548.914 triệu đồng, chiếm 96,64% vốn điều lệ.

Năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty về cơ bản vẫn được giữ ổn định, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh hoàn thành kế hoạch được giao, cụ thể: Tổng doanh thu năm 2025 của Công ty: 778.006 triệu đồng (đạt 101,4% % kế hoạch); lợi nhuận sau thuế 20.335 triệu đồng (đạt 102,85% kế hoạch).

Công ty Cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2024 theo đúng quy định của pháp luật và Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2025 số 27/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2025 là 9.331 triệu đồng; tỷ lệ chia cổ tức là 1,7% vốn điều lệ (Công ty Nước sạch Hà Nội đã hạch toán vào thu nhập hoạt động tài chính theo đúng quy định).

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 đã thông qua tỷ lệ chia cổ tức đối với kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025. Mức chi trả cổ tức năm 2025 dự kiến là 1,74% vốn điều lệ.

2.2.2 Đầu tư vào công ty liên kết

2.2.2.1 Đầu tư vào Công ty Cổ phần Viwaco

- Số vốn góp của Công ty Nước sạch Hà Nội: 19.655 triệu đồng. Số lượng cổ phần nắm giữ: 11.377.320 cổ phần, chiếm 23,7% vốn điều lệ.

- Công ty Cổ phần Viwaco đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2025 theo đúng quy định của pháp luật và Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/03/2025 là 9.102 triệu đồng; tỷ lệ chia cổ tức là 12% vốn điều lệ (Công ty Nước sạch Hà Nội đã hạch toán vào thu nhập hoạt động tài chính theo đúng quy định).

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 đã thông qua tỷ lệ chia cổ tức đối với kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025. Mức chi trả cổ tức năm 2025 dự kiến là 8% vốn điều lệ.

- Tổng doanh thu năm 2025 của Công ty: 1.141.074 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế là 180.186 triệu đồng.

2.2.2.2 Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Hạ tầng Nước sạch Hà Nội

- Số vốn đã góp của Công ty Nước sạch Hà Nội: 2.000 triệu đồng, chiếm 20% vốn điều lệ. Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thống nhất thông qua Kế hoạch SXKD năm 2024 (với Lợi nhuận sau thuế là 7 triệu đồng) và thông qua phương án không phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2024 theo biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2025.

- Kết quả kinh doanh năm 2025: tổng doanh thu đạt 5.295 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế là 3,6 triệu đồng.

2.2.2.3 Đầu tư vào Công ty Cổ phần Nước mặt Sông Hồng

- Số vốn góp của Công ty Nước sạch Hà Nội tại Công ty Cổ phần Nước mặt Sông Hồng đến 31/12/2025 là 132.593 triệu đồng, chiếm 20% vốn điều lệ.

Năm 2025, Công ty CP Nước mặt Sông Hồng đang trong giai đoạn đầu tư, chưa đi vào kinh doanh. Hiện nay, công ty đang thực hiện các hạng mục xây dựng nhà máy.

- Tại thời điểm 31/3/2026, Công ty Nước sạch Hà Nội chưa nhận được báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty Cổ phần nước mặt Sông Hồng, số liệu ước kết quả kinh doanh năm 2025 do đơn vị cung cấp như sau: tổng doanh thu: 445 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế là 0 triệu đồng.

Căn cứ Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về hướng dẫn trích lập và xử lý các khoản dự phòng; căn cứ Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và lập báo cáo tài chính; căn cứ Báo cáo tài chính do Công ty tự lập tại ngày 31/12/2025

Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty Nước sạch Hà Nội đã thực hiện trích lập dự phòng đầu tư rủi ro tài chính đối với khoản đầu tư tài chính tại Công ty Cổ phần Nước mặt Sông Hồng với giá trị lũy kế là 1.742 triệu đồng (từ năm 2022 đến năm 2025). Trong đó năm 2025 số trích lập dự phòng là 1.257 triệu đồng.

2.2.2.4 Đầu tư vào Công ty cổ phần Tháp nước Hà Nội

- Số vốn góp của Công ty Nước sạch Hà Nội tại Công ty Cổ phần Tháp nước Hà Nội: 59.340 triệu đồng, chiếm 30% vốn điều lệ.

- Kết quả kinh doanh năm 2025: Tổng doanh thu: 38.588 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế: 14.378 triệu đồng.

- Tính đến 31/12/2025 số cổ tức, lợi nhuận Công ty Nước sạch Hà Nội được chia là: 26.457 triệu đồng. Trong đó: Công ty CP Tháp nước Hà Nội đã thực chi trả: 20.457 triệu đồng (14/7/2022: 9.000 triệu đồng; 19/12/2022: 3.000 triệu đồng; 27/4/2023: 1.000 triệu đồng; 17/7/2023: 1.957 triệu đồng; 9/8/2023: 1.000 triệu đồng; 17/6/2024: 1.500 triệu đồng; 12/7/2024: 1.500 triệu đồng; 25/11/2025: 1.500 triệu đồng). Số tiền Công ty Cổ phần Tháp nước Hà Nội còn phải trả cho Công ty Nước sạch Hà Nội là: **6.000 triệu đồng** (Cổ tức năm 2022 đã được thông qua trong Biên bản và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 và Cổ tức năm 2023 đã được thông qua trong Biên bản và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Tháp nước Hà Nội)

2.2.3 Đầu tư khác (Góp vốn vào Công ty cổ phần nước mặt Sông Đuống: số vốn đã góp 99.961 triệu đồng, chiếm 10% vốn điều lệ).

Kết quả kinh doanh năm 2025: Tổng doanh thu: 944.353 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 320.697 triệu đồng.

Căn cứ Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về hướng dẫn trích lập và xử lý các khoản dự phòng; căn cứ Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và lập báo cáo tài chính; căn cứ Báo cáo tài chính do Công ty tự lập tại ngày 31/12/2025. Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty Nước sạch Hà Nội đã thực hiện hoàn nhập trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư tại Công ty cổ phần nước mặt Sông Đuống là: 30.522 triệu đồng.

2.2.4 Huy động vốn và sử dụng vốn (phụ lục 02 A chi tiết kèm theo)

Việc cân đối nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, đáp ứng đầy đủ nguồn vốn ngắn hạn, dài hạn cho hoạt động của công ty.

Vốn vay được sử dụng đúng mục đích, đảm bảo hiệu quả, trả nợ đúng hạn. Công ty không có nợ quá hạn tại các tổ chức tín dụng.

2.3 Tình hình quản lý tài sản, quản lý nợ tại doanh nghiệp, khả năng thanh toán nợ của doanh nghiệp, hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu

2.3.1 Quản lý, sử dụng tài sản

a. Quản lý tài sản ngắn hạn:

- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản: 27,33%

- Tiền và các khoản tương đương tiền: 249.106 triệu đồng.

- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn: 1.160.000 triệu đồng.

- Các khoản phải thu ngắn hạn: 159.541 triệu đồng.

- Quản lý hàng tồn kho và tài sản ngắn hạn khác: Hàng tồn kho 113.532 triệu đồng, tài sản ngắn hạn khác 63.394 triệu đồng.

b. Quản lý tài sản dài hạn:

Tài sản dài hạn đạt 4.642.460 triệu đồng, chiếm 72,67% trên tổng tài sản, trong đó chủ yếu là tài sản cố định 3.127.130 triệu đồng chiếm 67,36% trong tài sản dài hạn.

c. Quản lý nợ phải trả:

Đến ngày 31/12/2025, nợ phải trả của Công ty là 2.396.199 triệu đồng, chiếm 37,51% tổng nguồn vốn, trong đó chủ yếu là khoản phải trả, phải nộp liên quan đến các dự án nguồn vốn ngân sách ứng trước có hoàn trả từ khấu hao TSCĐ và các khoản vay, nợ dài hạn phục vụ cho đầu tư phát triển (hiện tại Công ty đang thực hiện thanh toán nợ phải trả theo hợp đồng, đúng kỳ hạn, không có nợ quá hạn). Tổng nợ vay dài hạn 1.595.413 triệu đồng.

Công ty đã mở sổ theo dõi nợ phải trả cho từng đối tượng theo quy định. Công ty đã ban hành Quy chế quản lý nợ theo Quyết định 869/NSHN-HĐTV ngày 10/6/2014. Công nợ được quản lý chặt chẽ, hàng năm việc đối chiếu công nợ được thực hiện theo quy định trước khi khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Công ty không có công nợ phải trả quá hạn.

- Khả năng thanh toán hiện hành: Tổng tài sản/Nợ phải trả: 2,67 lần (6.388.032 triệu đồng/2.396.199 triệu đồng)

- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn: Tổng TS ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn: 2,83 lần (1.745.472 triệu đồng/616.406 triệu đồng).

- Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu: 0,60 lần (2.396.199 triệu đồng/3.991.833 triệu đồng).

Qua các chỉ tiêu trên cho thấy, Công ty đảm bảo được khả năng thanh toán hiện hành và khả năng thanh toán nợ đến hạn.

2.3.2 Tình hình lưu chuyển tiền tệ

Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh của công ty ổn định, lượng tiền lưu thông đảm bảo tốt khả năng thanh toán nợ đến hạn và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Dòng tiền của hoạt động đầu tư chủ yếu phục vụ việc mua sắm tài sản, đầu tư có kỳ hạn, thu từ hoạt động đầu tư là cổ tức từ việc đầu tư vào công ty liên kết.

Dòng tiền hoạt động tài chính là lãi tiền gửi và thanh toán lãi vay.

3. Giám sát kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

Ngày 03/04/2025, UBND thành phố có văn bản số 3766/STC-ĐKDN phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty Nước sạch Hà Nội.

Đến 31/12/2025, tình hình thực hiện kế hoạch năm 2025 của công ty như sau:

3.1 Doanh thu và thu nhập khác

- Tổng doanh thu 2.793.448 triệu đồng, bằng 103,23% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, trong đó:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 2.709.022 triệu đồng.

+ Thu nhập hoạt động tài chính: 77.174 triệu đồng (bao gồm lãi tiền gửi có kỳ hạn, chênh lệch tỉ giá ngoại tệ, cổ tức được chia trong năm tại của công ty con, công ty liên kết).

+ Thu nhập khác: 7.252 triệu đồng.

- Công ty đã thực hiện mở sổ theo dõi chi tiết doanh thu và thu nhập trong các năm tài chính.

Tổng doanh thu toàn Công ty từ các hoạt động trong năm 2025 đạt 2.793.448 triệu đồng tương đương 103,23% kế hoạch Sở Tài chính giao. Nguyên nhân chính là do các đơn vị KDNS chủ động, tích cực trong công tác áp giá, rà soát các hộ định mức. Bên cạnh đó, nhu cầu sử dụng nước khách hàng cũng tăng so với kế hoạch; Mặt khác, doanh thu từ hoạt động tài chính vượt kế hoạch đề ra do Công ty tận dụng nguồn tiền tạm thời nhàn rỗi để tăng thu nhập tài chính. Trong năm phát sinh cổ tức được chia không nằm trong kế hoạch 1,5 tỷ theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐQT/2025 ngày 05/6/2025 của CTCP Tháp nước Hà Nội.

3.2 Chi phí

Tổng chi phí trong năm 2025 Công ty đã thực hiện chi là 2.492.222 triệu đồng, trong đó giá vốn hàng bán: 1.306.849 triệu đồng, chi phí quản lý doanh nghiệp: 153.146 triệu đồng, chi phí bán hàng: 976.642 triệu đồng, chi phí tài chính: 51.485 triệu đồng, chi phí khác: 4.100 triệu đồng.

Trong năm 2025, các khoản chi phí cơ bản được quản lý chặt chẽ, hợp lý. Chi phí hoạt động nước thực tế tăng 3,99% so với chi phí kế hoạch, trong khi doanh thu tăng 2,53%. Nguyên nhân do một số chi phí sản xuất kinh doanh tăng đột biến so với kế hoạch đề ra, cụ thể:

- Chi phí mua nước mặt từ Công ty Sông Đà tăng 46,87% so với kế hoạch, đạt 82.877 triệu đồng (tăng 49.306 triệu đồng so với kế hoạch, nguyên nhân do tăng sản lượng và đơn giá từ 7.767 đ/m³ lên 8.276 đ/m³ từ tháng 7 năm 2025).

- Chi phí khấu hao TSCĐ năm 2025 tăng 53.747 triệu đồng so với kế hoạch do việc tiếp nhận theo chỉ đạo của UBND thành phố các dự án: phát triển hạ tầng cơ sở đô thị Bắc Thăng Long Vân Trì, dự án CNS liên xã huyện Thường Tín, dự án xây dựng đường Huỳnh Thúc Kháng kéo dài và Dự án Tây Hồ.

- Chi phí quỹ lương thực hiện năm 2025 tăng 27.992 triệu đồng so với kế hoạch xây dựng đầu năm.

3.3 Kết quả sản xuất kinh doanh

- Tổng lợi nhuận trước thuế: 301.226 triệu đồng.
- Tổng lợi nhuận sau thuế: 239.268 triệu đồng, bằng 104,49 % kế hoạch.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): 6,28%.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA): 3,75%

Đánh giá chung: mặc dù gặp nhiều khó khăn vào thời điểm đầu năm nhưng Công ty Nước sạch Hà Nội đã quyết tâm và có các giải pháp cụ thể để thực hiện tốt nhiệm vụ cấp nước, kế hoạch lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận sau thuế, đảm bảo khả năng thanh toán và hoàn thành các nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước cũng như các tổ chức tín dụng.

Tổng doanh thu toàn Công ty từ các hoạt động trong năm 2025 đạt 2.793.448 triệu đồng, tương đương 103,23% kế hoạch Sở Tài chính giao, (trong đó doanh thu hoạt động nước đạt 2.673.595 triệu đồng, tương đương 102,53% kế hoạch Công ty đề ra và chiếm 95,71% tổng doanh thu).

Lợi nhuận trước thuế Công ty tăng 6,92% so với kế hoạch, tương ứng 19.495 triệu đồng, chủ yếu đến từ lợi nhuận hoạt động tài chính (tăng 13.155 triệu đồng so với kế hoạch) chủ yếu do ghi nhận lãi tiền gửi ngân hàng và khoản tăng đột biến doanh thu chênh lệch tỷ giá. Lợi nhuận từ hoạt động SXKD nước giảm 25.823 triệu đồng so với kế hoạch do Công ty đã thực hiện một số chi phí sản xuất kinh doanh tăng đột biến so với kế hoạch đề ra.

3.4 Thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước

Công ty thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước kịp thời, đúng quy định. Tổng số đã nộp ngân sách trong năm 2025 là 526.351 triệu đồng (đã bao gồm lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ phải nộp NSNN theo quy định 143.069 triệu đồng và tiền thuê đất)

3.5 Phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ

Đến ngày 31/12/2025, Công ty đã thực hiện tạm trích các quỹ và nộp lợi nhuận còn lại năm 2025 vào ngân sách nhà nước, cụ thể như sau:

- Trích quỹ đầu tư phát triển: 0 đồng.
- Trích quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên: 0 đồng
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 96.198 triệu đồng (3 tháng lương thực hiện)

Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế sẽ được điều chỉnh sau khi được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt chính thức.

4. Giám sát việc cơ cấu lại vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp, cơ cấu lại vốn của doanh nghiệp đầu tư tại công ty con, công ty liên kết, đầu tư khác

4.1. Việc cơ cấu lại vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND Thành phố Hà Nội tại văn bản số 164/UBND-KTTH ngày 15/01/2024 về việc thực hiện kiến nghị của Bộ Tài chính về việc chấp hành chính sách pháp luật về cổ phần hóa của UBND Thành phố Hà Nội. Ngày 12/03/2024, Công ty Nước sạch Hà Nội đã có văn bản số 590/NSHN-TCKT ngày 12/3/2024 gửi UBND Thành phố Hà Nội và Sở Tài chính để báo cáo về nội dung trên.

Trong năm 2025, Công ty chưa nhận được chỉ đạo tiếp theo của cơ quan có thẩm quyền đối với nội dung nêu trên. Tuy nhiên, Công ty đã chủ động rà soát, đối chiếu các quy định hiện hành của pháp luật về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; đồng thời kiểm tra, tổng hợp các nội dung liên quan đến việc chấp hành chính sách, chế độ theo kiến nghị của Bộ Tài chính nhằm đảm bảo tuân thủ đầy đủ quy định.

Công ty tiếp tục duy trì công tác theo dõi, cập nhật các văn bản chỉ đạo của UBND Thành phố Hà Nội và các cơ quan chức năng; sẵn sàng triển khai thực hiện kịp thời các nhiệm vụ được giao khi có ý kiến chỉ đạo chính thức. Trường hợp phát sinh vướng mắc hoặc có nội dung vượt thẩm quyền, Công ty sẽ chủ động báo cáo, đề xuất UBND Thành phố và Sở Tài chính xem xét, hướng dẫn để đảm bảo việc thực hiện đúng quy định pháp luật.

4.2. Việc triển khai xây dựng Đề án Cơ cấu lại doanh nghiệp giai đoạn đến hết năm 2025 và những năm tiếp theo

Ngày 22/08/2024, Sở Tài chính có văn bản số 5083/STC-TCDN về việc rà soát, hoàn thiện Đề án Cơ cấu lại doanh nghiệp giai đoạn đến hết năm 2025 và những năm tiếp theo. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Sở Tài chính, Ngày 17/10/2024, Công ty đã có văn bản số 2993/NSHN-TCKT gửi Ủy ban nhân dân TP Hà Nội và Sở Tài chính về việc báo cáo Đề án cơ cấu lại Công ty Nước sạch Hà Nội giai đoạn đến hết 2025 và những năm tiếp theo.

Ngày 13/02/2025, UBND Thành phố có văn bản số 481/UBND-KTTH về việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về sắp xếp, cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước năm 2025 theo chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 17/TB-VPCP ngày 14/01/2025;

Ngày 14/03/2025, Công ty Nước sạch Hà Nội đã có công văn số 627/NSHN-TCKT gửi UBND thành phố Hà Nội, Sở Tài chính về việc báo cáo Đề án tái cơ cấu lại doanh nghiệp giai đoạn đến hết năm 2025 và những năm tiếp theo của Công ty Nước sạch Hà Nội theo Quyết định số 360/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

4.3. Việc cơ cấu lại vốn của doanh nghiệp đầu tư tại công ty con, công ty liên kết

a. Việc cơ cấu lại vốn của doanh nghiệp đầu tư tại Công ty con:

- Công ty cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội: vốn góp 548.914 triệu đồng, chiếm 96,64% vốn điều lệ.

Ngày 14/03/2025, Công ty Nước sạch Hà Nội đã có công văn số 627/NSHN-TCKT gửi UBND thành phố Hà Nội, Sở Tài chính về việc báo cáo Đề án tái cơ cấu lại doanh nghiệp giai đoạn đến hết năm 2025 và những năm tiếp theo; trong đó, tại Phần IV, mục VII Cơ cấu lại Công ty Con, Công ty liên kết, Công ty đề xuất tiếp tục duy trì tỷ lệ vốn góp tại Công ty Nước sạch số 2 Hà Nội là 96,64% vốn điều lệ để đảm bảo ổn định hoạt động SXKD, cấp nước, thực hiện nhiệm vụ chính trị do thành phố giao.

b. Việc cơ cấu lại vốn của doanh nghiệp đầu tư tại Công ty liên kết:

- Công ty Cổ phần Viwaco: vốn góp 19.655 triệu đồng, chiếm 23,7% vốn điều lệ.

- Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng hạ tầng Nước sạch Hà Nội: vốn góp 2.000 triệu đồng, chiếm 20% vốn điều lệ.

- Công ty cổ phần Nước mặt Sông Hồng: vốn góp 132.593 triệu đồng, chiếm 20% vốn điều lệ.

Các doanh nghiệp trên không có trong danh mục thoái vốn của Công ty.

- Công ty cổ phần Tháp nước Hà Nội: đã góp vốn 59.340 triệu đồng, chiếm 30% vốn điều lệ. Tại văn bản số 627/NSHN-TCKT ngày 14/03/2025 gửi UBND thành phố Hà Nội, Sở Tài chính về việc báo cáo Đề án tái cơ cấu lại doanh nghiệp giai đoạn đến hết năm 2025 và những năm tiếp theo, Công ty Nước sạch Hà Nội đã đề xuất cho phép tiếp tục thực hiện thoái vốn nhà nước đầu tư tại Công ty Cổ phần Tháp nước Hà Nội.

Công ty Nước sạch Hà Nội sẽ căn cứ nội dung Đề án được phê duyệt để xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác thoái vốn theo quy định.

c. Đầu tư khác

Công ty cổ phần nước mặt Sông Đuống, theo chỉ đạo của UBND thành phố Hà Nội, Công ty Nước sạch Hà Nội góp 10% vốn điều lệ, hiện đã góp vốn 99.961 triệu đồng, tương đương 10% vốn điều lệ.

Theo nội dung văn bản số 627/NSHN-TCKT ngày 14/03/2025 gửi UBND thành phố Hà Nội, Sở Tài chính về việc báo cáo Đề án tái cơ cấu lại doanh nghiệp giai đoạn đến hết năm 2025 và những năm tiếp theo; trong đó, tại Phần IV, mục VII, Công ty đề xuất “Thành phố xem xét cho phép Công ty tăng tỷ lệ vốn góp lên mức 36-51% vốn điều lệ (nếu đủ điều kiện), để tạo thuận lợi cho công tác ổn định hoạt động sản xuất, an ninh nguồn nước cho thành phố”.

5. Giám sát thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, phụ cấp trách nhiệm và quyền lợi khác đối với người lao động, người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp theo quy định của Bộ luật Lao động

Ngày 10/7/2025, Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành văn bản số 4035/UBND-NC về việc phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của người quản lý kiểm soát viên năm 2024; mức tiền lương, thù lao kế hoạch của thành

viên hội đồng, kiểm soát viên năm 2025; cho ý kiến về quỹ tiền lương kế hoạch của người lao động và ban điều hành năm 2025 của Công ty Nước sạch Hà Nội. Theo đó: mức tiền lương kế hoạch của Chủ tịch Hội đồng thành viên là 60.185.371 đồng/người/tháng; mức tiền lương kế hoạch của Thành viên Hội đồng thành viên là 48.900.614 đồng/người/tháng; mức tiền lương kế hoạch của Kiểm soát viên chuyên trách là 48.900.614 đồng/người/tháng; mức thù lao kế hoạch là 9.780.000 đồng/người/tháng. Đến ngày 31/12/2025, số còn phải trả: 760.914.609 đồng. Công ty sẽ báo cáo UBND Thành phố phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2025 theo đúng quy định.

Số tiền lương còn lại phải trả cho Người quản lý, Kiểm soát viên của Công ty sẽ thực hiện sau khi có kết quả đánh giá hoàn thành nhiệm vụ theo quy định.

Quỹ lương thực hiện của người lao động và Ban điều hành năm 2025 là: 382.636 triệu đồng. Đến nay, Công ty Nước sạch Hà Nội đã thực hiện chi trả tiền lương cho người lao động theo đúng quy định pháp luật.

Công ty Nước sạch Hà Nội kính báo cáo Sở Tài chính Hà Nội. *hư*

Nơi nhận:

- Như trên
- HĐTV (để b/c)
- KSV Công ty
- Lưu VT, TCKT



Đặng Ngọc Hải

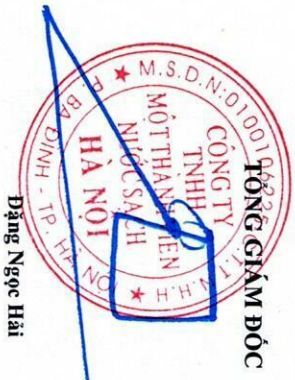
TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN ĐỂ ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN HÌNH THÀNH TSCĐ VÀ XDCB NĂM 2025

(Bản hành kèm theo Thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

| STT | Tên dự án | Quy mô công suất | Nhóm dự án | | | Quyết định phê duyệt | Tổng mức đầu tư | | | | | Nguồn vốn huy động 2025 | | | | Giá trị khối lượng thực hiện năm 2025 | | | | Giá trị khối lượng thực hiện năm 2025 | | | | Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng |
|-----|--|-------------------------------|------------|---|---|-----------------------------------|-----------------|-----------|----------------|-----------|--------------|-------------------------|--------------------------|----------------------------|--------------------|---------------------------------------|----------------------|--------------------|----------------|---------------------------------------|--------------------|----------------|----|--|
| | | | A | B | C | | KT | Tổng | Vốn chủ sở hữu | % | Vốn huy động | % | Thời gian đầu tư theo KH | Tổng số giải ngân năm 2025 | Thời hạn vay (năm) | Lãi suất (%) | Kỳ trước chuyển sang | Thực hiện năm 2025 | Đến 31/12/2025 | Kỳ trước chuyển sang | Thực hiện năm 2025 | Đến 31/12/2025 | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | KT | |
| | TỔNG CỘNG | | | | | | 4.869.404 | 1.710.463 | | 3.158.941 | | 281.562 | | | 155.310 | 642.861 | 798.171 | 155.310 | 642.861 | 798.171 | 418.966 | | | |
| I | Các dự án nguồn | | | | | | 2.167.624 | 821.474 | | 1.346.150 | | - | | 1.534 | 54.669 | 56.203 | 1.534 | 54.669 | 56.203 | 42.160 | | | | |
| B | Các dự án nhóm B, C và BCKTKT | | | | | | 2.167.624 | 821.474 | | 1.346.150 | | - | | 1.534 | 54.669 | 56.203 | 1.534 | 54.669 | 56.203 | 42.160 | | | | |
| 1 | Cải tạo HT xử lý thu hồi nước mưa lọc NMMN Ngõ số Liên | Cải tạo dây chuyền xử lý nước | | | | Số 3164/NSHN-CTCN ngày 11/12/2021 | 7.037 | 7.037 | 100% | - | 0% | | | 305 | 6.103 | 6.408 | 305 | 6.103 | 6.408 | 5.449 | | | | |
| 2 | Cải tạo hệ thống Clo nhà máy nước Mai Dịch | Cải tạo dây chuyền xử lý nước | | | | 2404/QĐ-NSHN-CTCN ngày 22/8/2024 | 7.214 | 7.214 | 100% | | 0% | | | 312 | 5.826 | 6.138 | 312 | 5.826 | 6.138 | 5.731 | | | | |
| 3 | Cải tạo hệ thống xử lý thu hồi nước rửa lọc và hệ thống Clo cho NMMN Ngõ Hà | Cải tạo dây chuyền xử lý nước | | | | 3557/QĐ-NSHN-CTCN ngày 06/12/2024 | 21.293 | 21.293 | 100% | - | 0% | | | 262 | 5.625 | 5.887 | 262 | 5.625 | 5.887 | | | | | |
| 4 | Cải tạo hệ thống xử lý thu hồi nước rửa lọc và hệ thống Clo NMMN Lương Yên | Cải tạo dây chuyền xử lý nước | | | | 90/QĐ-NSHN-CTCN ngày 26/01/2026 | 19.909 | 19.909 | 100% | - | 0% | | | - | 201 | 201 | 201 | - | 201 | 201 | | | | |
| 5 | Lắp đặt đầu nối đường ống từ bể chứa giải đoạn II và nhà bơm II tách riêng 2 bể chứa Nhà máy nước Cao Đình | Cải tạo dây chuyền xử lý nước | | | | 3767/QĐ-NSHN-CTCN ngày 23/12/2024 | 14.550 | 14.550 | 100% | | 0% | | | 116 | 13.207 | 13.323 | 116 | 13.207 | 13.323 | 12.376 | | | | |
| 6 | Cải tạo, thay thế sơn chữa quan van V2, bổ sung bộ đồ đạc của NMMN Yên Phụ và NMMN Ngõ Hà | Cải tạo dây chuyền xử lý nước | | | | 3266/QĐ-NSHN-CTCN ngày 11/11/2024 | 13.821 | 13.821 | 100% | | 0% | | | 393 | 12.835 | 13.228 | 393 | 12.835 | 13.228 | 12.239 | | | | |
| 7 | Cải tạo bể chứa Trạm Giảng Võ | Cải tạo dây chuyền xử lý nước | | | | | 14.500 | 14.500 | 100% | - | 0% | | | - | 4.084 | 4.084 | - | 4.084 | 4.084 | | | | | |
| 8 | Khoan thay thế 01 giếng YP31 NMMN Yên Phụ, Nam Khai thác 1995 | Khoan thay thế giếng | | | | | 4.000 | 4.000 | 100% | | 0% | | | - | - | - | - | - | - | - | | | | |
| 9 | Khoan thay thế 02 giếng Cao Đình CD12, CD13 | Khoan thay thế giếng | | | | 449/QĐ-NSHN-CTCN ngày 27/02/2025 | 8.300 | 8.300 | 100% | | 0% | | | - | 6.641 | 6.641 | - | 6.641 | 6.641 | 6.365 | | | | |
| 10 | Khoan thay thế 02 giếng Mai Dịch MDH2, MDH3B, MDH4B | Khoan thay thế giếng | | | | | 12.000 | 12.000 | 100% | | 0% | | | - | - | - | - | - | - | - | | | | |
| 11 | Khoan thay thế H24 NMMN Ngõ Số Liên | Khoan thay thế giếng | | | | | 4.000 | 4.000 | 100% | | 0% | | | - | - | - | - | - | - | - | | | | |
| 12 | Nâng công suất NMMN Bắc Thăng Long lên 300.000m3/ngày theo quy hoạch | Nâng công suất NMMN | | | | | 1.546.000 | 541.100 | 35% | 1.004.900 | 65% | 2024-2026 | | | 146 | - | 146 | 146 | - | 146 | | | | |
| 13 | Bổ sung nguồn nước thô từ nước mặt sông Hồng cho NMMN Nam Dư (ĐD1) | Nâng công suất NMMN | | | | | 195.000 | 48.750 | 25% | 146.250 | 75% | 2025-2026 | | | - | 147 | 147 | - | 147 | 147 | | | | |
| 14 | Nghiện cứu bổ sung nguồn khai thác cho NMMN Gia Lâm | Nâng công suất NMMN | | | | | 300.000 | 105.000 | 35% | 195.000 | 65% | 2025-2026 | | | - | - | - | - | - | - | | | | |
| II | Các dự án Cải tạo đường TTTT | | | | | | 413.604 | 244.312 | | 169.292 | | | 48.003 | 36.085 | 161.188 | 197.273 | 36.085 | 161.188 | 197.273 | 167.394 | | | | |
| B | Các dự án nhóm B, C và BCKTKT | | | | | | 413.604 | 244.312 | | 169.292 | | | 48.003 | 36.085 | 161.188 | 197.273 | 36.085 | 161.188 | 197.273 | 167.394 | | | | |

| STT | Tên dự án | Quy mô công suất | Nhóm dự án | | | | Quyết định phê duyệt | Tổng mức đầu tư | | | | | Nguồn vốn huy động 2025 | | | Giá trị khối lượng thực hiện | | | | Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng | | | |
|-----|---|---|------------|---|---|----|-----------------------------------|-----------------|----------------|------|--------------|-----|--------------------------|----------------------------|----------------------|------------------------------|----------------------|--------------------|----------------|--|----------------------|--------------------|----------------|
| | | | A | B | C | KT | | Tổng | Vốn chủ sở hữu | % | Vốn huy động | % | Thời gian đầu tư theo KH | Tổng số giải ngân năm 2025 | Thời hạn vay (tháng) | Lãi suất (%) | Kỳ trước chuyển sang | Thực hiện năm 2025 | Đến 31/12/2025 | | Kỳ trước chuyển sang | Thực hiện năm 2025 | Đến 31/12/2025 |
| 1 | XD mạng lưới cấp nước cho các xã Ninh Kiều, Duyên Hải, Ninh Sở, Xuân Hòa, Hòa Bình, huyện khách hàng Thuận Trị (Gđ I) | XD mới tuyến ống, phát triển MLCN và | x | | | | 886/GĐ-NSSH-CTCN ngày 03/04/2024 | 223.644 | 67.576 | 30% | 156.068 | 70% | 2024 | 91.986 | 15 | Thả nổi | 63.949 | 150.132 | 214.081 | 63.949 | 150.132 | 214.081 | 200.106 |
| 2 | XD mạng lưới cấp nước cho 3 xã Tân Xuân, Yên Bình, Yên Trung và một phần còn lại của xã Thạch Hòa - huyện Thuận Trị (Gđ II) | XD mới tuyến ống, phát triển MLCN và khách hàng | x | | | | 754/GĐ-NSSH-CTCN ngày 27/3/2025 | 183.989 | 64.588 | 35% | 119.401 | 65% | 2024-2025 | 33.461 | | | 1.137 | 48.838 | 49.975 | 1.137 | 48.838 | 49.975 | |
| 3 | Xây dựng hệ thống MLCN cho khu vực 16 xã còn lại huyện Thuận Trị GD2A | XD mới tuyến ống, phát triển MLCN và khách hàng | x | | | | | 991.000 | 247.750 | 25% | 743.250 | 75% | 2024-2025 | | | | - | 11.491 | 11.491 | - | 11.491 | 11.491 | |
| 4 | Xây dựng tuyến ống tuyến dẫn, cải tạo trạm cấp nước cho 3 xã (Hồng Vân, Thụ Phú, Vạn Tào, Liên Phương, Hà Hải) - GP2B | XD mới tuyến ống, phát triển MLCN và khách hàng | | | | | | 459.000 | 114.750 | 25% | 344.250 | 75% | | | | | | | | | | | |
| 5 | Cấp nước cho các hộ còn lại xã Ngũ Hiệp, Ngọc Hải, Liên Ninh XD tuyến ống DN225, DN160 hồ sung nguồn nước cho Ô TT2, TT3, TT5 huyện Thanh Trì | XD mới tuyến ống, phát triển MLCN và khách hàng | | | | x | 2950/NSSH-CTCN ngày 31/10/2023 | 12.204 | 12.204 | 100% | | 0% | 2024 | | | | 3.370 | 6.622 | 9.992 | 3.370 | 6.622 | 9.992 | 9.306 |
| 6 | XD hoàn thiện tuyến ống tuyến dẫn DN600 trên đường Vành đai II theo Quy hoạch (châu đoạn 1 - Từ cầu Trung Hòa đến cầu Nhật Tân) | Cầu trục lai MLCN nội đô | x | | | | 1720/QĐ-NSSH-CTCN ngày 17/06/2024 | 165.216 | 53.748 | 33% | 111.468 | 67% | 2024-2025 | 71.082 | | | 1.050 | 145.296 | 146.346 | 1.050 | 145.296 | 146.346 | |
| 7 | Xây dựng tuyến ống tuyến dẫn cấp nước D900 theo quy hoạch cấp nước cho Thành phố Thông minh từ MNM Bắc Thăng Long | Cầu trục lai MLCN để đảm bảo cấp nước an toàn | | | | x | 17440/QĐ-NSSH-CTCN ngày 10/6/2025 | 81.005 | 28.352 | 35% | 52.653 | 65% | 2024-2025 | | | | - | 2.273 | 2.273 | - | 2.273 | 2.273 | |
| 8 | Các dự án khác | | | | | | | 6.409 | 6.409 | | - | | 2025-2026 | | | | - | 1.722 | 1.722 | - | 1.722 | 1.722 | |
| 9 | Khởi phục cụm xử lý bùn cặn của MNM Tương Mai bị ảnh hưởng do GPMB | | | | | | 2964/QĐ-NSSH-CTCN ngày 01/10/2025 | 6.409 | 6.409 | 100% | | 0% | 2025-2026 | | | | - | 1.722 | 1.722 | - | 1.722 | 1.722 | |

Chi chi: Số liệu từ cột (2) đến cột (12) theo Quyết định phê duyệt dự án đầu tư của cấp có thẩm quyền. Các dự án nêu trên là dự án do doanh nghiệp làm chủ đầu tư hoặc được quyền quản lý của doanh nghiệp



TỔNG GIÁM ĐỐC

Đặng Ngọc Hải

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2026
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Hoàn

Trần Thị Thu Hoài

BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

| STT | Tên công ty con, công ty liên kết | Vốn góp của doanh nghiệp, giá trị đầu tư | | | | Vốn điều lệ 31/12/2025 | Vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty liên kết | Doanh thu | | Lợi nhuận sau thuế | | Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia trên vốn đầu tư (%) | Tỷ lệ lợi nhuận được chia trên vốn đầu tư (%) | Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn của công ty con, công ty liên kết | Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty liên kết | Ghi chú |
|-----|---|--|------------------------|------------------------|----------|------------------------|--|------------------------|------------------------|--------------------|----------|---|---|--|---|---|
| | | Kế hoạch | Tại thời điểm 31/12/24 | Tại thời điểm 31/12/25 | Kế hoạch | | | Tại thời điểm 31/12/24 | Tại thời điểm 31/12/25 | Năm 2024 | Năm 2025 | | | | | |
| I | Công ty con | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | CTCP Nước sạch số 2 Hà Nội | | 548.914 | 548.914 | | 568.000 | 568.000 | 766.389 | 778.006 | 19.384 | 20.335 | 9.331 | 1.70% | > 1 | 1,85 | Theo Nghị quyết DHDCĐ số 27/NQ-DHDCĐ ngày 22/4/2025 |
| II | Công ty liên kết | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | CTCP Vinaco | | 19.655 | 19.655 | | 480.000 | 480.000 | 1.084.960 | 1.141.074 | 230.405 | 180.186 | 9.102 | 12,09% | < 1 | 0,98 | Theo Nghị quyết DHDCĐ số 01/2025/NQ-DHDCĐ ngày 27/3/2025 |
| 2 | CTCP Đầu tư Xây dựng Hà tăng Nước sạch Hà Nội | | 2.000 | 2.000 | | 10.000 | 10.000 | 13.857 | 5.295 | 7 | 3,6 | | | < 1 | 0,77 | |
| 3 | CTCP nước mặt Sông Hồng | | 110.931 | 132.593 | | 670.919 | 670.919 | 631 | 445 | (3.106) | - | | | > 1 | 5,20 | Theo Nghị quyết DHDCĐ số 11/2025/NQ-HPQT/2025 ngày 05/06/2025 |
| 4 | CTCP Thập nước Hà Nội | | 59.340 | 59.340 | | 197.800 | 197.800 | 42.702 | 38.588 | 10.777 | 14.378 | 1.500 | 5,06% | > 1 | 2,19 | |
| III | Đầu tư tài chính | | 1.109.961 | 1.259.961 | | | | | | | | | | | | |
| 1 | CTCP nước mặt Sông Đuống | | 99.961 | 99.961 | | 999.611 | 999.611 | 929.723 | 944.353 | 122.428 | 320.697 | | | > 1 | 3,30 | |
| 2 | Đầu tư tài chính khác | | 1.010.000 | 1.160.000 | | | | | | | | | | | | |

Ghi chú:

Cột "3" đến "8": số vốn góp, vốn đầu tư của doanh nghiệp tại công ty con, công ty liên kết, giá gốc của các khoản đầu tư

Cột "9": Vốn Điều lệ của công ty con, công ty liên kết

Cột "10": Vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm báo cáo

Cột "11" và "12": doanh thu của công ty con, công ty liên kết

Cột "13" và "14": Lợi nhuận của công ty con, công ty liên kết

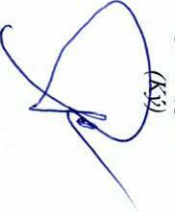
Cột "15": Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia của năm báo cáo căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng thành viên của doanh nghiệp có vốn góp
Các cột có đánh dấu x không cần điền dữ liệu

Danh giá của doanh nghiệp

Đánh giá của doanh nghiệp về hiệu quả đầu tư vốn tại công ty con, công ty liên kết: Đến hết tháng 12/2025, việc đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên kết đúng quy định.
Các công ty con, công ty liên kết đều hoạt động ổn định. Đối với các công ty đang thực hiện triển khai xây dựng (Công ty CP Nước mặt Sông Hồng) đã có bộ máy tài chính kế toán hoàn chỉnh, thực hiện các hoạt động đầu tư theo đúng quy định pháp luật.

Đánh giá của doanh nghiệp về hiệu quả đầu tư tài chính năm báo cáo: Các công ty con, công ty liên kết đều hoạt động kinh doanh có lợi nhuận.
Đối với khoản đầu tư góp 20% vốn cổ phần tại Công ty CP Nước mặt Sông Hồng: đến thời điểm hiện tại, Công ty Sông Hồng vẫn đang trong quá trình thực hiện triển khai dự án, tính đến thời điểm hiện tại, Công ty CP Nước mặt Sông Hồng đang lỗ lũy kế; Công ty Nước sạch Hà Nội đã thực hiện trích lập dự phòng theo quy định.
Công ty con đầu tư tài chính qua việc gửi tiền ngân hàng, các khoản này chủ yếu gửi ngân hạn và sẵn sàng để đưa vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Các ngân hàng dịch vụ là các ngân hàng ổn định tài chính, có uy tín.

Người lập biểu

(Ký)


Nguyễn Thị Phương

M.S.D.N: 0100106225
CÔNG TY TNHH
MỘT THÀNH VIÊN
NƯỚC SẠCH
Hà Nội
TỔNG GIÁM ĐỐC
(Ký, đóng dấu)


Đặng Ngọc Hải

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

| Nội dung | Cùng kỳ năm 2023 | Cùng kỳ năm 2024 | Thực hiện năm 2025 | | Biến động so với (tỷ lệ %) | | |
|---|------------------|------------------|--------------------|-------------|----------------------------|------------------|--------------|
| | | | Kế hoạch | Thực hiện | Cùng kỳ năm 2023 | Cùng kỳ năm 2024 | Kế hoạch năm |
| A. Chi tiêu sản xuất kinh doanh | 1 | 2 | 3 | 4 | 5=(4)/(1) | 6=(4)/(2) | 7=(4)/(3) |
| 1. Sản lượng sản xuất SP chủ yếu | 240.008.743 | 241.372.263 | 242.970.436 | 246.874.495 | 102,86% | 102,28% | 101,61% |
| 2. Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu | 212.286.086 | 214.760.294 | 216.219.923 | 220.341.641 | 103,79% | 102,60% | 101,91% |
| 3. Tồn kho cuối kỳ | | | | | | | |
| B. Chi tiêu tài chính | | | | | | | |
| 1. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 2.062.507 | 2.612.976 | 2.642.074 | 2.709.022 | 131,35% | 103,68% | 102,53% |
| 2. Giá vốn hàng bán | 1.022.791 | 1.246.429 | 1.233.062 | 1.306.849 | 127,77% | 104,85% | |
| 3. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1.039.716 | 1.366.547 | 1.409.012 | 1.402.173 | 134,86% | 102,61% | |
| 4. Doanh thu hoạt động tài chính | 107.383 | 159.379 | 64.019 | 77.174 | 71,87% | 48,42% | 120,55% |
| 5. Chi phí tài chính | 83.730 | 100.037 | 89.973 | 51.485 | 61,49% | 51,47% | |
| 6. Chi phí bán hàng | 717.764 | 861.287 | 945.985 | 976.642 | 136,07% | 113,39% | |
| 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 117.642 | 220.205 | 155.342 | 153.146 | 130,18% | 69,55% | |
| 8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 227.963 | 344.397 | 281.731 | 298.074 | 130,76% | 86,55% | |
| 9. Thu nhập khác | 23.251 | 13.758 | | 7.252 | 31,19% | 52,71% | |
| 10. Chi phí khác | 778 | 28.886 | | 4.100 | 526,99% | 14,19% | |
| 11. Lợi nhuận khác | 22.473 | -15.128 | | 3.152 | 14,03% | -20,84% | |
| 12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 250.436 | 329.268 | 281.731 | 301.225 | 120,28% | 91,48% | 106,92% |

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

DVT: triệu đồng

| Chi tiêu | Số còn phải nộp năm trước chuyển sang | Số phát sinh phải nộp trong kỳ | Số đã nộp trong kỳ | Số còn phải nộp chuyển sang kỳ sau |
|--|---------------------------------------|--------------------------------|--------------------|------------------------------------|
| 1. Thuế | | | | |
| - Thuế môn bài | - | 11.000.000 | 11.000.000 | - |
| - Thuế GTGT | (122.453.543) | 2.043.727.075 | 6.381.848.178 | (4.215.667.560) |
| - Thuế TNDN | 2.164.779.766 | 62.055.364.624 | 65.498.912.906 | (1.278.768.516) |
| - Thuế đất | 311.532 | 8.012.992.141 | 11.632.549.168 | (3.619.868.559) |
| - Thuế Tài nguyên | 4.698.642.800 | 55.328.909.600 | 55.508.252.000 | 4.519.300.400 |
| - Thuế Thu nhập cá nhân | 1.000.029.049 | 12.643.089.281 | 14.987.635.556 | (1.344.517.226) |
| 2. Các khoản phải nộp khác | | | | - |
| - Nộp phạt | | | | - |
| - Phí, lệ phí | 21.386.942.677 | 229.358.205.278 | 229.163.149.306 | 21.581.998.649 |
| - Các khoản phải nộp khác | 4.192.544.495 | 91.997.624 | 98.045.624 | 4.186.496.495 |
| 3. Nộp Ngân sách nhà nước phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp theo quy định | | | 143.069.554.268 | |

B. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

DVT: triệu đồng

| Chỉ tiêu | Dư đầu kỳ | Tăng trong kỳ | Giảm trong kỳ | Dư cuối kỳ |
|-----------------------------|-----------------|----------------|----------------|-----------------|
| 1. Quỹ Đầu tư phát triển | 149.718.509.731 | | | 149.718.509.731 |
| 2. Quỹ Khen thưởng phúc lợi | 27.658.986.080 | 97.627.744.747 | 84.332.370.828 | 40.954.359.999 |
| 3. Quỹ thưởng VCQLDN | | 593.022.360 | 246.000.000 | 347.022.360 |
| 4. Quỹ Hỗ trợ sắp xếp DN | - | | | - |
| 5. Quỹ Khoa học công nghệ | 164.580.000.000 | 21.700.000.000 | 1.900.000.000 | 184.380.000.000 |

Ghi chú: Thông tin lấy từ báo cáo tài chính của doanh nghiệp nhà nước

Người lập biểu

(Ký)

Nguyễn Thị Phương

Tổng Giám đốc

(Ký, đóng dấu)



Đặng Ngọc Hải

